

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *30* /2017/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày *13* tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... S.
	Ngày: <i>18/12/2017</i>

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của
Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của
Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng
Chính sách xã hội;*

*Căn cứ Thông tư số 161/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế xử lý nợ bị rủi ro của
Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-
TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 62/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 4 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với
Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-
TTg ngày 19/12/2002 và Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của
Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa
phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người
nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 246/TTr-STC
ngày 15 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn
vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay
đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú
Thọ.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng
nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để
cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh
Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 25 tháng 12 năm 2017.

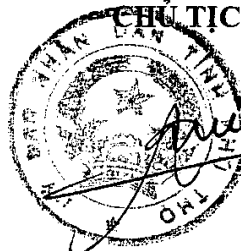
2. Quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc ủy thác cho vay, trích lập và sử dụng tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách địa phương chuyển cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, cho vay giải quyết việc làm hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành, thị; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Phú Thọ; Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. ℓ

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các Bộ: Tài chính, LĐTĐ&XH;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Ban: KTNS, VHXXH-HĐND tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm CBTH;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, KTTH2 (H.150b) *ll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Bùi Minh Châu

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo
và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30 /2017/QĐ-UBND
ngày 13 /12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ Ngân sách địa phương và các nguồn vốn có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng:

Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

1. Đối với cấp tỉnh:

Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây viết tắt là UBND tỉnh) bố trí bổ sung nguồn vốn từ ngân sách tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác hoặc các đối tượng được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt. UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và có quyết định giao vốn cụ thể theo từng năm hoặc đột xuất (nếu có).

2. Đối với cấp huyện:

Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện chủ trì phối hợp với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, các đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất, trình UBND huyện cấp bố trí bổ sung nguồn vốn từ ngân sách huyện để cho vay đối với người nghèo và các

đối tượng chính sách khác hoặc các đối tượng được Hội đồng nhân dân huyện phê duyệt. UBND huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện xem xét và có quyết định giao vốn hàng năm hoặc đột xuất (nếu có).

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác hàng năm được trích một phần để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác.

CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước: Theo Mục lục ngân sách Nhà nước hiện hành.

Điều 4. Đối tượng cho vay

Theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do HĐND cấp tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ và tình hình đối tượng, nhu cầu sử dụng vốn vay thực tế của địa phương để quy định.

Điều 6. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có): Do UBND cấp tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 7. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

Do Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ; thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ, thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ.

Điều 8. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Ngân hàng Chính sách xã hội và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau đây:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày

19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhận ủy thác.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 13% số tiền lãi thu được theo nguyên tắc nguồn ở cấp nào trích ở cấp đó.

d) Phần còn lại được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c Khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chi tiêu hội nghị; Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của HĐND tỉnh Phú Thọ quy định mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh Phú Thọ quản lý; Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND tỉnh ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ quy định về công tác thi đua khen thưởng của tỉnh Phú Thọ và các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 9: Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội. Những trường hợp bị xử lý rủi ro ngoài các cơ chế này, Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh, cấp huyện phối hợp với cơ quan Lao động Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư hoặc Tài chính - Kế hoạch cùng cấp và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định, thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo UBND cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Thẩm quyền xem xét, xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định (Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh), do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung đã trích lập tại điểm a Khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

5. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp nào, cơ quan Tài chính chủ trì, phối hợp với cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư hoặc Tài chính – Kế hoạch và Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp báo cáo UBND cùng cấp xem xét, cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của địa phương đã chuyển qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

6. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 10. Chế độ báo cáo, hạch toán, theo dõi cho vay

1. Chế độ báo cáo:

Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện) có trách nhiệm báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh (huyện), cơ quan chuyên môn được giao ký hợp đồng ủy thác.

2. Hạch toán, theo dõi cho vay:

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện) theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng cấp trên.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị và địa phương

1. Sở Tài chính (Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện) chủ trì, phối hợp với cơ quan Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh - Xã hội cùng cấp tham mưu, đề xuất với UBND cùng cấp:

a) Bố trí nguồn vốn từ Ngân sách địa phương ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại Ngân hàng Chính sách xã hội;

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo Chủ tịch UBND cùng cấp xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đối với trường hợp quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 8 Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (huyện)

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại văn bản này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định;

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ hàng năm báo cáo UBND cùng cấp về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách địa phương chuyển qua Ngân hàng CSXH trước ngày 25/01 của năm sau.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị:

Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan chức năng và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, thành phố, thị xã thực hiện đúng các quy định tại Quy chế này;

5. UBND các xã, phường, thị trấn:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng Chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn, kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn rủi ro trên địa bàn.

c) Có ý kiến đối với đề nghị xử lý rủi ro của người vay.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 13. Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội để nghiên cứu, tổng hợp, thống nhất báo cáo UBND tỉnh giải quyết theo quy định.

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh do UBND tỉnh quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

